

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ
NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2026/HC-PT

Ngày: 30/01/2026

V/v: “Yêu cầu hủy quyết định cưỡng chế thu hồi
đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Ông Hồ Sỹ Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Thành, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 100/2025/TLPT-HC ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc “Yêu cầu hủy quyết định cưỡng chế thu hồi đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại”, do có kháng cáo của người khởi kiện bà Đào Thị B đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2025/HC-ST ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2026/QĐPT-HC ngày 13 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà Đào Thị B, sinh năm 1971; Địa chỉ: Khu phố H, phường N, tỉnh Bắc Ninh (địa chỉ trước đây là Khu phố H, phường N, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh), có mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

+ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ dân phố N, phường T, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

+ Bà Lê Thị N, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường T, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

+ Ông Lưu Văn Q, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ dân phố N, phường T, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

* **Người bị kiện:** 1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

2. Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Đình H1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Bắc Ninh, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Bắc Ninh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Đình H1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Bắc Ninh, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Vương Văn Đ, sinh năm 1969; địa chỉ: Khu phố H, phường N, tỉnh Bắc Ninh (địa chỉ trước đây là Khu phố H, phường N, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng phía người khởi kiện và ông Vương Văn Đ trình bày:*

Đối với diện tích đất nông nghiệp 1.172,9m² thửa đất số 18, tờ bản đồ số 05 gồm 03 định suất của vợ chồng bà B, ông Đ và mẹ chồng bà B. Gia đình bà B, ông Đ được cấp năm 1992 cho 2 định suất, khi đó trong hộ gia đình bà B, ông Đ chỉ có 02 vợ chồng và con gái là Vương Thị H2 sinh năm 1992, tuy nhiên thời điểm cấp đất chỉ cấp theo định suất cho vợ chồng bà B, ông Đ, các con bà B, ông Đ không được cấp và không liên quan. Bà B, ông Đ đề nghị không đưa các con vào tham gia tố tụng. Đến năm 2014, định suất ruộng của mẹ đẻ ông Đ là cụ Vũ Thị H3 (cụ H3 có 07 người con) cho vợ chồng bà B, ông Đ, phần định suất này là cụ H3 cho riêng ông Đ, chỉ cho bằng miệng và cụ H3 thời điểm đó vẫn ở với gia đình bà B, ông Đ. Những người con còn lại của cụ H3 không liên quan đến phần ruộng cụ cho riêng nhà bà B, ông Đ, đề nghị không đưa các người con còn lại của cụ H3 vào tham gia tố tụng. Bà B, ông Đ cam đoan những gì trình bày là sự thật.

Khi nhà nước phát động chuyển đổi đất nông nghiệp làm công nghiệp gia đình bà B, ông Đ đều nhất trí, gia đình bà B, ông Đ có ruộng phải thu hồi nhưng bà B, ông Đ không nhận được thông báo, quyết định gì cả, chỉ được thông báo ra nhận tiền bồi thường. Bà B, ông Đ không đồng ý với mức bồi thường là

158.000.000 đồng/sào. Bà B, ông Đ được thông báo là ra trả tiền mà bà B, ông Đ chưa nhận được quyết định bồi thường, khi gia đình bà B, ông Đ không đồng ý thì bị các cán bộ lãnh đạo cưỡng chế và đưa nhà bà B, ông Đ lên truyền hình. Bà B, ông Đ yêu cầu trả lại danh dự cho gia đình.

Đối với diện tích đất nông nghiệp 1.172,9m² thửa đất số 18, tờ bản đồ số 05 bà B, ông Đ được thông báo nhận 514.903.100 đồng tiền bồi thường, bà B, ông Đ chưa nhận tiền lần nào.

Yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là:

- Huỷ Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của Chủ tịch UBND thị xã T;

- Bà B đồng ý với phương án bồi thường của nhà nước, tuy nhiên bà không đồng ý với mức bồi thường 158.000.000 đồng/sào, bà B đề nghị bồi thường gia đình 500.000.000 đồng/sào. Nếu không được bồi thường đúng với mức giá 500.000.000 đồng/sào thì yêu cầu trả lại diện tích đất nông nghiệp 1.172,9m².

*** Ý kiến của UBND thị xã T:**

1. Về thực hiện công tác giải phóng mặt bằng (đợt 1.3) để thực hiện dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng KCN T I:

Dự án đã được Thủ tướng chính phủ quyết định chủ trương đầu tư tại quyết định số 210/QĐ-TTg ngày 17/02/2021 với tổng diện tích: 249,75 ha tại các xã: N, T, N.

Ngày 23/02/2021, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành công văn số 472/UBND-TNMT cho phép Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bắc Ninh lập hồ sơ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án. Ngày 12/4/2021, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 130/QĐ-UBND về việc thành lập Khu công nghiệp T.

Triển khai chủ trương trên, UBND thị xã T đã ban hành quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 02/3/2021 thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và thông báo số 59/TB-UBND ngày 12/8/2021 của UBND thị xã về chủ trương thu hồi đất, theo đó thu hồi 30,8 ha tại khu phố T, H, phường N.

Ngày 28/12/2021, UBND thị xã đã ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án (đợt 1.3), theo đó thu hồi 4235,5 m² đất chuyên trồng lúa nước giao lâu dài cho 04 hộ gia đình, cá nhân tại khu phố T, H, phường N và bồi thường: 4268,3 m² đất, kinh phí bồi thường: 1.915.568.950 đ (bồi thường, hỗ trợ di chuyển mồ mã: 41.785.250 đ; bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp giao ổn định lâu dài: 1.873.783.700 đ) trong đó có hộ nhà ông Vương Văn Đ (Bé).

Ngày 5/9/2023, UBND thị xã T có báo cáo số 207/BC-UBND, đợt 1 thực hiện thu hồi đất và bồi thường tại 02 khu phố T, H, phường N là: 30,4 ha, kinh phí bồi thường là: 110,6 tỷ đồng của 356 hộ. Đã thực hiện bồi thường, hỗ trợ cho

355/356 hộ (đạt 99,7%) với diện tích: 30,6 ha, tổng kinh phí đã chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; 110,1 tỷ đồng, còn lại: 01/356 hộ (chiếm 0,3%) chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ là: hộ ông Vương Văn Đ (Bé) có diện tích đất nông nghiệp ổn định: 1172,9 m², kinh phí: 514.903.100 đ.

Qua 03 lần tuyên truyền vận động, tuy nhiên hộ ông Vương Văn Đ chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ với lý do không đồng ý về đơn giá bồi thường, hỗ trợ và đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất ở giao không đúng thẩm quyền của hộ ông Đ (thửa đất này không thuộc ranh giới thu hồi dự án KCN Thuận Thành I).

Căn cứ vào Kết luận số 930/KL/TU Ban thường vụ tỉnh ủy ngày 20/12/2023 về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện dự án KCN T I; Văn bản số 4689/UBND-TNMT ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh về việc cưỡng chế thu hồi đất; Văn bản số 4690/UBND-TNMT ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh về việc cưỡng chế thu hồi đất thực hiện dự án KCN Thuận Thành I.

Ngày 9/01/2024, UBND thị xã đã ban hành quyết định số 51/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với 22 hộ gia đình, cá nhân có đất nông nghiệp thu hồi tại dự án KCN Thuận Thành I, gồm:

- +21 hộ Khu phố N, phường T;
- + 01 hộ tại khu phố H, phường N,

Ngày 22/01/2024, Ban thực hiện cưỡng chế đã tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất nông nghiệp đối với hộ ông Vương Văn Đ (Bé) theo phương án cưỡng chế đã được Chủ tịch UBND thị xã phê duyệt đảm bảo đúng quy định.

** Ý kiến của UBND phường N:*

Thực hiện Quyết định số 3979/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND huyện T về việc thu hồi đất nông nghiệp của hộ ông Vương Văn Đ, thôn H, xã N (N là khu phố H, phường N) để thực hiện dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp T.

Sau khi thực hiện đầy đủ quy trình công khai phương án thu hồi, đền bù đất nông nghiệp của khu phố H; các hộ gia đình ở khu phố H đã nhận tiền đền bù và bàn giao đất cho Nhà nước để làm Khu công nghiệp. Nhưng chỉ còn gia đình bà Đào Thị B (Đ) chưa nhận tiền đền bù.

UBND phường đã tiến hành thành lập Tổ công tác tuyên truyền, vận động gia đình bà Đào Thị B nhận tiền đền bù, hỗ trợ. UBND phường đã mời gia đình làm việc nhiều lần, lần thứ ba UBND phường làm việc với gia đình bà B ngày 19/11/2022. Theo biên bản làm việc lần này, gia đình bà Đào Thị B đề nghị phải trả gia đình bà với số tiền là 01 tỷ đồng thì gia đình mới nhận; trong khi đó theo quy định diện tích thu hồi của gia đình bà B chỉ có 1.172,9 m² đất nông nghiệp, chỉ được đền bù là 514.903.100 đồng.

UBND phường đã giải thích: Việc thu hồi, đền bù đất nông nghiệp phải theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành luật, không thể thực hiện theo yêu cầu của gia đình được và yêu cầu gia đình bà B (Đ) nhận tiền theo quy định.

UBND phường N đã có thông báo 2 lần cho gia đình bà Đào Thị B (Đ) chậm nhất đến ngày 28/02/2023 gia đình bà B không nhận tiền đền bù đất nông nghiệp của gia đình khi Nhà nước thu hồi làm Khu công nghiệp T I; thì UBND phường sẽ báo cáo các cơ quan chức năng có thẩm quyền tiến hành gửi số tiền đền bù đất của gia đình vào Kho bạc Nhà nước và thực hiện biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

Hội đồng giải phóng mặt bằng của thị xã đã tiến hành mời bà B (Đ) làm việc, động viên, giải thích để gia đình nhận tiền đền bù.

Nhưng gia đình bà B vẫn chưa nhận tiền đền bù đất theo quy định. UBND thị xã đã ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất nông nghiệp của gia đình bà Đào Thị B để bàn giao đất cho khu công nghiệp.

Khi UBND thị xã có quyết định cưỡng chế, UBND phường vẫn tiếp tục mời bà Đào Thị B làm việc để tuyên truyền, vận động gia đình nhận tiền đền bù, hỗ trợ, nhưng bà B vẫn không nhận tiền. UBND phường đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2025/HC-ST ngày 01/4/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 30, 32, 115, 116 và điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Đất đai; Điều 17 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị B gồm:

- Bác yêu cầu của bà Đào Thị B về việc yêu cầu Huỷ Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của Chủ tịch UBND thị xã T, tỉnh Bắc Ninh đối với gia đình bà Đào Thị B;

- Bác yêu cầu của bà Đào Thị B về việc yêu cầu UBND thị xã T phải trả lại đất cho gia đình bà Đào Thị B.

- Bác yêu cầu của bà Đào Thị B về việc buộc UBND thị xã T phải công khai xin lỗi gia đình bà trên truyền hình Việt Nam.

- Bác yêu cầu của bà Đào Thị B về việc buộc UBND thị xã T phải bồi thường cho gia đình bà 7 tấn thóc với giá 12.000đ/kg bằng 84.000.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/4/2025, người khởi kiện bà Đào Thị B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện và những người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày quan điểm: Bản án hành chính sơ thẩm nhận định không đúng với diễn biến thực tế; bản thân gia đình bà B và nhiều hộ dân khác không được nhận các quyết định về việc thu hồi đất, phương án bồi thường mà chỉ được thông báo ra nhận tiền bồi thường; việc kiểm đếm thực tế không đúng; cán bộ thôn, xã thực hiện việc chi trả tiền đền bù không đúng quy định; việc cưỡng chế thu hồi đất không đúng quy định nên đề nghị tuyên hủy Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của Chủ tịch UBND thị xã T, tỉnh Bắc Ninh; đồng thời phải bồi thường cho gia đình bà 500 triệu đồng/1 sào nếu không thì trả lại đất cho gia đình bà; từ những căn cứ nêu trên đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của bà Đào Thị B.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Tại cấp sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính. Kháng cáo của người khởi kiện trong thời hạn luật định, đủ điều kiện xét xử theo trình tự phúc thẩm. Xét kháng cáo của người khởi kiện: Sau khi phân tích nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ, nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện bà Đào Thị B, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận và nghị án: Hội đồng xét xử nhận thấy:

[I] Về tố tụng

1. Về thời hạn kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện bà Đào Thị B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đơn kháng cáo của bà B đảm bảo đúng thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

2. Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án đúng với các quy định của Luật tố tụng hành chính.

3. Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vương Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính.

[II] Về nội dung

Xét nội dung kháng cáo, yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị B, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Ngày 28/12/2021 của UBND huyện T, tỉnh Bắc Ninh ban hành Quyết định số 3980/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp T (đợt 1.3), theo đó thu hồi 4253,5 m² đất chuyên trồng lúa nước giao lâu dài cho 04 hộ gia đình, cá nhân tại thôn T và thôn H, xã N và bồi thường: 4268,3 m² đất, kinh phí bồi thường: 1.915.568.950 đ (bồi thường, hỗ trợ di chuyển mồ mả: 41.785.250 đ; bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp giao ổn định lâu dài: 1.873.783.700 đ) trong đó có hộ nhà ông Vương Văn Đ (Bé).

[2] Để thực hiện dự án, ngày 28/12/2021 UBND huyện T ban hành Quyết định số 3979 ngày 28/12/2021 về việc thu hồi đất nông nghiệp của hộ ông Vương Văn Đ với diện tích 1.172,9m² tại thửa đất số 18, tờ bản đồ số 05 để thực hiện dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp T; số tiền hộ ông Vương Văn Đ (Bé) được bồi thường, hỗ trợ là 514.903.100 đồng (gồm bồi thường về đất: 82.1003.000 đồng; bồi thường về hoa màu: 10.556.100 đồng; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: 11.729.000 đồng; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm: 410.515.000 đồng).

Gia đình bà Đào Thị B không đồng ý về đơn giá bồi thường, hỗ trợ; không bàn giao mặt bằng và đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất ở giao không đúng thẩm quyền của hộ ông Đ (thửa đất này không thuộc ranh giới thu hồi dự án KCN Thuận Thành I).

Ngày 9/01/2024, UBND thị xã T đã ban hành quyết định số 51/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Vương Văn Đ. Ngày 22/01/2024, Ban thực hiện cưỡng chế đã tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất nông nghiệp đối với hộ ông Vương Văn Đ (Bé) theo phương án cưỡng chế đã được Chủ tịch UBND thị xã phê duyệt theo quy định.

[3] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của Chủ tịch UBND thị xã T và các quyết định có liên quan, thấy rằng:

- Về thẩm quyền ban hành: Quyết định số 3979/QĐ-UBND và Quyết định số 3980/QĐ-UBND cùng ngày 28/12/2021 của UBND huyện T được ban hành theo quy định đúng thẩm quyền, hình thức văn bản theo quy định khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương.

- Về căn cứ thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ: Như phân tích ở trên, UBND huyện T ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của các hộ dân trong đó có hộ ông Đ là để thực hiện dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp T I theo Nghị quyết của HĐND tỉnh B và các Quyết định được UBND tỉnh B phê duyệt, việc thu hồi đất là để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng đã được các cấp có

thẩm quyền phê duyệt. Việc ban hành các quyết định là đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 69, Điều 70 Luật Đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai; Thông tư 30/2014/TT- BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T1.

- Về trình tự thủ tục ban hành quyết định: Quá trình thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đất được UBND thị xã T thực hiện công khai, minh bạch và tuân thủ đúng quy định, trình tự pháp luật, thể hiện:

Sau khi ban hành Quyết định số 3979/QĐ-UBND và Quyết định số 3980/QĐ-UBND cùng ngày 28/12/2021 của UBND huyện T. Ngày 31/12/2021 Trưởng thôn, cán bộ UBND xã N, cán bộ Trung tâm phát triển quỹ đất của tỉnh Bắc Ninh đã giao trực tiếp hai quyết định trên cho ông Đ và lập biên bản về việc giao nhận hai quyết định trên, thể hiện ông Vương Văn Đ đã nhận các quyết định nhưng không ký biên bản (BL113).

Tại biên bản làm việc ngày 22/01/2022 thể hiện bà Đào Thị B đã được làm việc và thông báo 02 quyết định trên. Mặt khác, bà B và gia đình cũng được vận động nhiều lần nhưng không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ. Do đó, việc bà kháng cáo cho rằng không được nhận các quyết định là không có căn cứ.

Do vậy ngày 09/01/2024 Chủ tịch UBND thị xã T đã ban hành Quyết định số 51/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Vương Văn Đ (Bé) theo quy định.

- Về hình thức và thẩm quyền ban hành Quyết định số 51/QĐ-UBND: Được ban hành theo đúng trình tự thủ tục, thẩm quyền, về hình thức cũng như nội dung theo quy định tại Điều 70, 71 Luật Đất đai; Điều 17 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương.

- Về trình tự thủ tục ban hành Quyết định số 51/QĐ-UBND:

Căn cứ vào Kết luận số 930/KL/TU Ban thường vụ tỉnh ủy ngày 20/12/2023 về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện dự án KCN T I; Văn bản số 4689/UBND-TNMT ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện dự án; Văn bản số 4690/UBND-TNMT ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh về việc cưỡng chế thu hồi đất dự án KCN Thuận Thành I.

Ngày 9/01/2024, UBND thị xã đã ban hành quyết định số 51/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với 22 hộ gia đình, cá nhân có đất nông nghiệp thu hồi tại dự án KCN Thuận Thành I, trong đó có hộ ông Vương Văn Đ (Bé).

Ngày 09/01/2024, Chủ tịch UBND thị xã T đã ban hành quyết định số 52/QĐ-UBND về việc thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất; Ngày 15/01/2024, Ban cưỡng chế thu hồi đất đã ban hành phương án cưỡng chế để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án.

Sau khi Chủ tịch UBND thị xã thành lập Ban cưỡng chế thu hồi đất. Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất của thị xã đã tiến hành gặp gỡ, tuyên truyền, vận động các hộ gia đình, cá nhân bị cưỡng chế thu hồi đất. Đến ngày 16/01/2024 đã có 21 hộ gia đình, cá nhân tại Khu phố N, phường T đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án. Còn lại 01 hộ gia đình hộ ông Vương Văn Đ (Bé) tại khu phố H, phường N không nhận tiền.

Ngày 22/01/2024, Ban thực hiện cưỡng chế đã tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất nông nghiệp đối với hộ ông Vương Văn Đ (Bé) theo phương án cưỡng chế đã được Chủ tịch UBND thị xã phê duyệt đảm bảo đúng quy định.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị B đề nghị hủy Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của Chủ tịch UBND thị xã T không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu bồi thường về danh dự cho gia đình bà B bằng hình thức công khai xin lỗi gia đình bà trên Đ1 và bồi thường cho gia đình bà 7 tấn thóc với giá 12.000đ/kg trị giá bằng 84.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy các quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường và quyết định cưỡng chế việc cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình bà B đã được thực hiện đúng trình tự, đúng quy định của pháp luật nên yêu cầu trên của bà B là không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu bồi thường giá trị đất là 500.000.000 đồng/sào, nếu không thì yêu cầu trả lại diện tích đất nông nghiệp là 1.172,9m² của bà Đào Thị B Hội đồng xét xử thấy rằng:

Giá bồi thường, hỗ trợ được áp dụng theo quy định của UBND tỉnh B tại Quyết định 31/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019, Quyết định 528/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014. Dự án này không thuộc trường hợp thỏa thuận giá đất giữa chủ sử dụng đất với nhà đầu tư theo quy định tại Điều 73 Luật Đất đai nên giá bồi thường, hỗ trợ được áp dụng theo quy định tại Quyết định 31/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh B. Xem xét các quy định pháp luật có liên quan tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thì mức bồi thường tiền đất, hoa màu trên đất và các khoản hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh được xác định như sau: Đối với đất giao lâu dài: Đất nông nghiệp nằm trong đề thì tiền bồi thường đất nông nghiệp giao lâu dài: 70.000đ/m²; Tiền bồi thường hoa màu trên đất: 9.000đ/m²; Tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất: 10.000đ/m²; Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm 70.000đ/m² x 5 = 350.000đ/m². Tổng

đơn giá bồi thường, hỗ trợ là 439.000đ/1m² đất lâu dài; đất nông nghiệp giao lâu dài là: 158.040.000 đồng/360m² (1 sào B).

Như vậy, việc bà B đề nghị mức bồi thường cho gia đình bà số tiền là 500.000.000 đồng/sào, là không có cơ sở.

[6] Trong vụ án này còn có con của bà B, ông Đ và những người con của cụ H3. Quá trình giải quyết vụ án, bà B, ông Đ đề nghị xác định các con của ông, bà, và các con của cụ H3 không liên quan đến việc khởi kiện của bà B nên đề nghị Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa con của bà B, ông Đ và những người con của cụ H3 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là có căn cứ.

[7] Từ các phân tích trên, đánh giá trên Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị B là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên cấp phúc thẩm, người khởi kiện kháng cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, không có cơ sở chấp nhận toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện, cần giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Đào Thị B phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Đào Thị B, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2025/HC-ST ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Đào Thị B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà B đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000383 ngày 14/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh).

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VCT&KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng